

Bảng thông số sản phẩm

Thông số kỹ thuật



circuit breaker, EasyPact EZC400N, TMD, 320A, 3 poles 3d

EZC400N3320N

Main

Range Of Product	EasyPact
Product Or Component Type	Circuit breaker
Device Short Name	EasyPact EZC400N
Circuit Breaker Name	EasyPact EZC400N
Device Application	Distribution
Poles Description	3P
Protected Poles Description	3t
Network Type	AC DC
Network Frequency	50/60 Hz
[In] Rated Current	400 A at 40 °C
[U _i] Rated Insulation Voltage	690 V AC 50/60 Hz conforming to IEC 60947-2
[U _{imp}] Rated Impulse Withstand Voltage	6 kV conforming to IEC 60947-2
[U _e] Rated Operational Voltage	250 V DC conforming to IEC 60947-2 440 V AC 50/60 Hz conforming to IEC 60947-2
Breaking Capacity Code	N
Breaking Capacity	36 kA Icu at 440 V AC 50/60 Hz conforming to IEC 60947-2 40 kA Icu at 220/230 V AC 50/60 Hz conforming to IEC 60947-2 36 kA Icu at 380 V AC 50/60 Hz conforming to IEC 60947-2 36 kA Icu at 400/415 V AC 50/60 Hz conforming to IEC 60947-2
[I _{cs}] Rated Service Breaking Capacity	18 kA at 440 V AC 50/60 Hz conforming to IEC 60947-2 20 kA at 220/230 V AC 50/60 Hz conforming to IEC 60947-2 18 kA at 380 V AC 50/60 Hz conforming to IEC 60947-2 18 kA at 400/415 V AC 50/60 Hz conforming to IEC 60947-2
Suitability For Isolation	Yes conforming to IEC 60947-2
Utilisation Category	Category A
Trip Unit Name	TM-D
Trip Unit Technology	Thermal-magnetic
Trip Unit Rating	320 A at 50 °C
Protection Type	Overload protection Short-circuit protection
Pollution Degree	3 conforming to IEC 60947

Complementary

Control Type	Toggle
--------------	--------

Mounting Mode	Fixed
Mounting Support	Backplate
Upside Connection	Front
Downside Connection	Front
Mechanical Durability	10000 cycles
Electrical Durability	Category A: 1000 cycles 415 V AC 50/60 Hz conforming to IEC 60947-2
Connection Pitch	44 mm
Local Signalling	Positive contact indication
Contact Position Indicator	Yes
Magnetic Tripping Current	4000 A
Neutral Protection Setting	Without protection
Long Time Pick-Up Adjustment Type Ir	Fixed
Long Time Delay Adjustment Type	Fixed
Earth-Leakage Protection	Without
Height	255 mm
Width	185 mm
Depth	140 mm
Net Weight	4.8 kg
Quantity Per Set	1 piece
Colour	Black

Environment

Standards	JIS C8201-2-2 EN/IEC 60947-2 GB/T 14048.2 EN/IEC 60947-1
IP Degree Of Protection	IP20 conforming to IEC 60529
IK Degree Of Protection	IK07 conforming to EN 50102
Ambient Air Temperature For Operation	-25...70 °C
Ambient Air Temperature For Storage	-35...85 °C

Packing Units

Unit Type Of Package 1	PCE
Number Of Units In Package 1	1
Package 1 Height	11.6 cm
Package 1 Width	15.2 cm
Package 1 Length	29 cm
Package 1 Weight	4.824 kg
Unit Type Of Package 2	S04
Number Of Units In Package 2	3
Package 2 Height	30 cm
Package 2 Width	40 cm

Package 2 Length	60 cm
Package 2 Weight	15.238 kg
Unit Type Of Package 3	P12
Number Of Units In Package 3	12
Package 3 Height	80 cm
Package 3 Width	80 cm
Package 3 Length	120 cm
Package 3 Weight	72.952 kg

Bền vững

Nhãn **Green Premium™** là cam kết của Schneider Electric trong việc cung cấp sản phẩm với hiệu suất môi trường tốt nhất. Green Premium cam kết tuân thủ các quy định mới nhất, minh bạch về tác động môi trường, cũng như các sản phẩm tuần hoàn và CO₂ thấp.

Hướng dẫn đánh giá tính bền vững của sản phẩm là tài liệu kỹ thuật phổ thông giúp làm rõ các tiêu chuẩn nhân sinh thái toàn cầu và cách diễn giải việc khai báo môi trường.

[Tìm hiểu thêm về Green Premium >](#)

[Hướng dẫn đánh giá về sự bền vững của sản phẩm >](#)



Minh bạch **RoHS/REACH**

Hiệu suất sức khỏe

Reach Free Of Svhc

Rohs Exemption Information **Yes**

Pvc Free

Chứng nhận & Tiêu chuẩn

Reach Regulation

[REACH Declaration](#)

Eu Rohs Directive

Compliant with Exemptions

China Rohs Regulation

[China RoHS declaration](#)

Product out of China RoHS scope. Substance declaration for your information

Environmental Disclosure

[Product Environmental Profile](#)

Weee

The product must be disposed on European Union markets following specific waste collection and never end up in rubbish bins

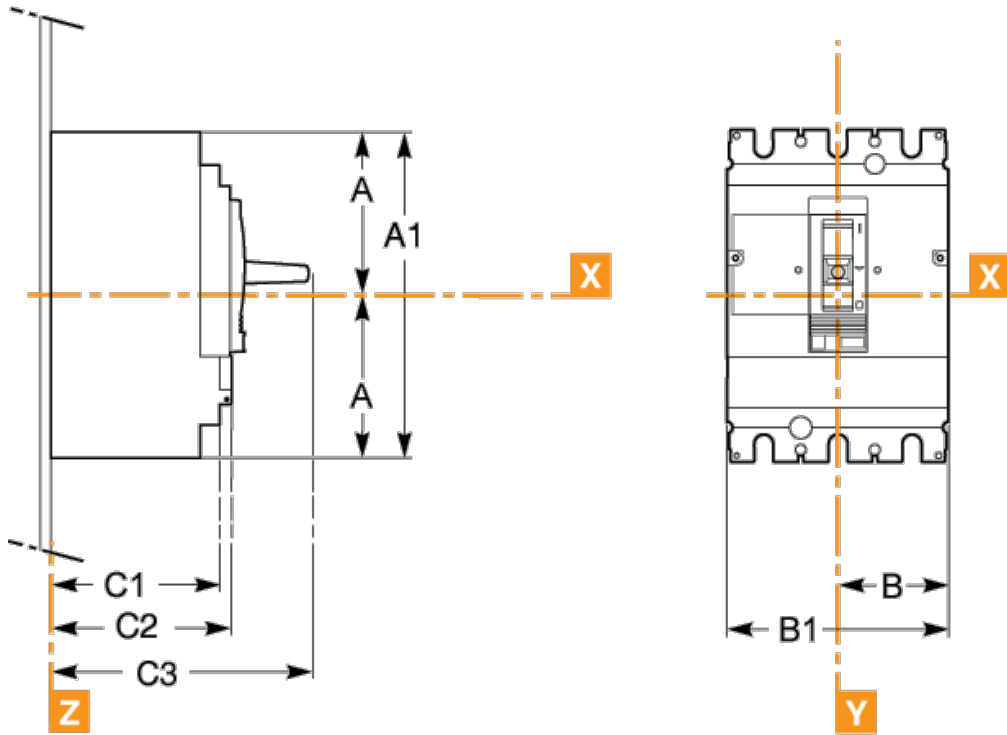
Circularity Profile

[End of Life Information](#)

Bảng thông số sản phẩm

EZC400N3320N

Dimensions Drawings

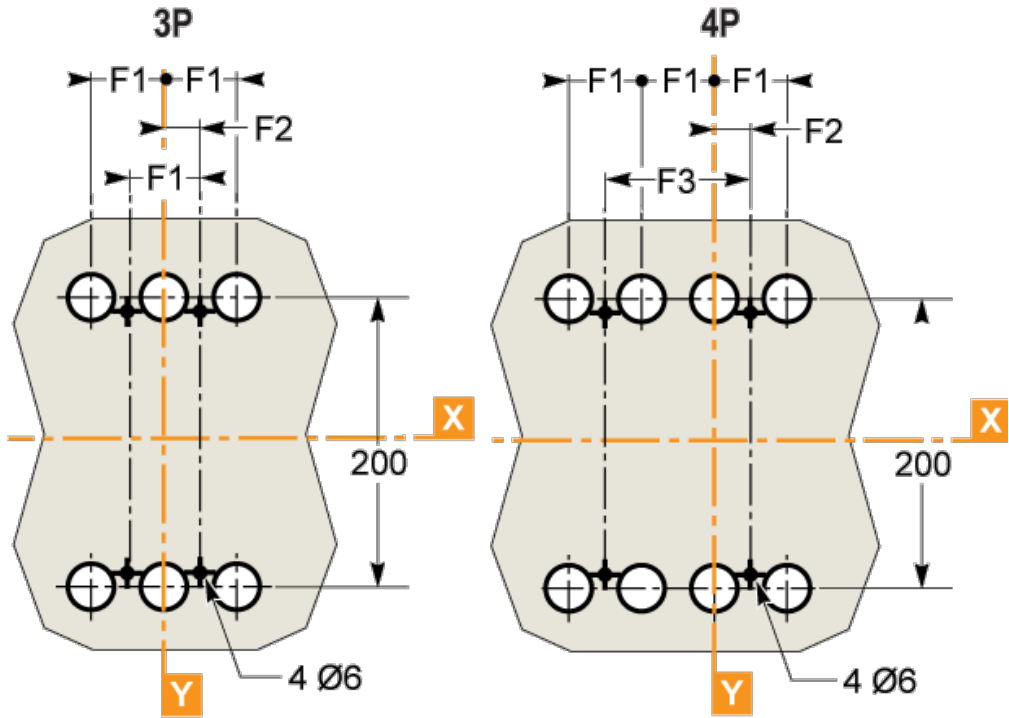


A	A1	B	B1	B2	F1	F2	F3
127.5	255	70	140	185	45	22.5	90

Bảng thông số sản phẩm

EZC400N3320N

Assembly



A	A1	B	B1	B2	F1	F2	F3
127.5	255	70	140	185	45	22.5	90

Performance Curves

